



Số: 33822/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

- Tên mẫu: Sữa đậu
- Mã số mẫu: 05267078/DV.1
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐẬU VIỆT
Địa chỉ: Thôn Ngô Xá, Xã Phật Tích, Tỉnh Bắc Ninh
- Ngày nhận mẫu: 04/05/2026
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian kiểm nghiệm: 04/05/2026 - 14/05/2026
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 1500 mL/chai.
Nhiệt độ mẫu đo được tại thời điểm nhận là 20 °C.
Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có
Nhà sản xuất: Công ty TNHH Đầu Tư Đậu Việt
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>C. perfringens</i>	TCVN 4991:2005	CFU/mL	< 1
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/mL	8,2 x 10 ³
9.3*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	NIFC.06.M.20	CFU/mL	< 1
9.5*	<i>S. aureus</i>	ISO 6888-1:2021	CFU/mL	< 1
9.6	<i>Streptococci faecal</i>	NIFC.06.M.16	CFU/mL	< 1
9.7*	Tổng số nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	< 1
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	1,0 x 10 ⁶
9.9*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100mL	0,74
9.10*	Hàm lượng Protein	NIFC.02.M.03	g/100mL	3,92
9.11	Năng lượng (tính từ Carbohydrat không bao gồm chất xơ, protein, chất béo)	NIFC.02.M.06	kcal/100mL	38,0
9.12*	Hàm lượng Aflatoxin B1	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.13*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.14*	Hàm lượng Deoxynivalenol	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 60)
9.15*	Hàm lượng Ochratoxin A	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.16*	Hàm lượng Zearalenone	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 3)
9.17*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.18*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.19*	Hàm lượng Natri	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	mg/100mL	< LOQ (LOQ: 0,50)
9.20*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100mL	2,15
9.21*	Tỷ trọng	NIFC.05.M.197	-	1,016

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN



TS. Nguyễn Thành Trung



Số: 33823/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Đậu phụ
2. Mã số mẫu: 05267078/DV.2
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ĐẬU VIỆT
Địa chỉ: Thôn Ngô Xá, Xã Phật Tích, Tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày nhận mẫu: 04/05/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 04/05/2026 - 14/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong hộp nhựa, 500 g/hộp bao gồm bao bì.
Nhiệt độ mẫu đo được tại thời điểm nhận là 20 °C.
Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có
Nhà sản xuất: Công Ty TNHH Đầu Tư Đậu Việt
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Độ ẩm	NIFC.02.M.02	g/100g	76,5
9.2*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100g	0,61
9.3*	Hàm lượng Protein	NIFC.02.M.03	g/100g	10,3
9.4*	Hàm lượng Tro	NIFC.02.M.05	g/100g	0,68
9.5*	Hàm lượng Xơ thô	NIFC.02.M.09	g/100g	0,58
9.6	Năng lượng (tính từ Carbohydrat không bao gồm chất xơ, protein, chất béo)	NIFC.02.M.06	kcal/100g	111
9.7*	Hàm lượng Aflatoxin B1	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.8*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.9*	Hàm lượng Deoxynivalenol	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 60)
9.10*	Hàm lượng Ochratoxin A	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.11*	Hàm lượng Zearalenone	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 3)
9.12*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,010
9.13*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,014
9.14*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	mg/100g	25,0



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.15*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100g	7,48

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2026

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VỊ SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN



TS. Nguyễn Thành Trung

VILAS 203